TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/DS-ST
Ngày: 30/7/2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH T NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Quang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thạch.**
2. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **L Sử Ngọc Quân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông **Đặng Quốc Sĩ** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Hồng L**, sinh năm 1982 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 13/9 (Số mới 493) ấp Trường H, xã Trường T, huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh.

- Bị đơn: Anh **Trương Văn D**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ô 2/72 ấp Trường L, xã Trường D, huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Chị **Lê Thị Phượng L,** sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ô 2/72 ấp Trường L, xã Trường D, huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Võ Thị Hồng L trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên chị L có cho vợ chồng anh D, chị L vay mượn tiền qua lại nhiều lần, vợ chồng anh D đã trả nợ xong và sau đó có vay mượn lại.

Đến ngày 24/6/2017, vợ chồng anh D, chị L có viết lại giấy nhận nợ 150.000.000 đồng và thỏa thuận góp trong vòng 100 ngày mỗi ngày góp 1.800.000 đồng. Vợ chồng anh D, chị L có góp được nhiều lần với số tiền 32.950.000 đồng thì không còn khả năng góp nữa. Chị L có yêu cầu vợ chồng anh D, chị L viết lại giấy nhận nợ mới nên ngày 15/11/2017, vợ chồng anh D viết lại giấy nhận nợ mới còn nợ lại chị L số tiền 117.050.000 đồng. Khi viết lại giấy nhận nợ mới ngày 15/11/2017 thì hai bên không thỏa thuận lãi suất và cũng không thỏa thuận thời gian trả nợ mà chỉ thỏa thuận cứ hai ngày thì anh D sẽ góp cho chị L 1.800.000 đồng đến khi góp xong số tiền nợ, mục đích anh D vay tiền để đấu thầu trong chợ Trường L thuộc xã Trường D, huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh. Từ khi viết lại giấy nhận nợ mới vào ngày 15/11/2017 thì vợ chồng anh D, chị L vẫn chưa góp được số tiền nào cho chị L.

Nay ra tòa, chị L yêu cầu vợ chồng anh D, chị L cùng có nghĩa vụ L đới trả lại cho chị L số tiền vay còn nợ là 117.050.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), chị L không yêu cầu anh D, chị L phải trả tiền lãi.

- Bị đơn là anh Trương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là chị Lê Thị Phượng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là anh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L, anh D và chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do quen biết, chị L có cho vợ chồng anh D, chị L vay mượn tiền nhiều lần. Đến ngày 15/11/2017, chị L và anh D chốt lại số tiền vay 117.050.000 đồng, anh D ký nhận nợ với chị L. Anh D xin góp hai ngày trả 1.800.000 đồng đến khi dứt nợ, việc vay mượn không có thế chấp gì, mục đích vay tiền là để đấu thầu trong chợ Trường L. Việc vay mượn tiền, chị L đều biết, vì có lần vay tiền chị L đã ký nhận tiền thay anh D. Từ ngày chốt nợ, anh D và chị L không trả gốc và lãi cho chị L. Bị đơn là anh D và chị L không trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp.

Xét thấy, các đương sự khi thực hiện hợp đồng vay có lập thành văn bản thể hiện vợ chồng anh D, chị L có nhận tiền và anh D là người ký tên vào giấy nhận tiền với số tiền 117.050.000 đồng. Vợ chồng anh D, chị L đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt trong các buổi hòa giải, lấy lời khai, tự làm mất quyền trình bày và phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của chị L là có cơ sơ chấp nhận vì trong quá trình làm việc, chị L cung cấp được chứng cứ, chứng minh việc vợ chồng anh D, chị L có nhận tiền và lập văn bản vào ngày 15/11/2017. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Bị đơn là anh Trương Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là chị Lê Thị Phượng L cùng có nơi cư trú tại nhà số Ô 2/72 ấp Trường L, xã Trường D, huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là chị Võ Thị Hồng L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Trương Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là chị Lê Thị Phượng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh D, chị L vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị L, anh D và chị L là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị L cho anh D, chị L vay tiền nhiều lần và đã trả xong. Đến ngày 15/11/2017, vợ chồng anh D, chị L viết lại giấy nhận nợ mới còn nợ lại chị L số tiền 117.050.000 đồng. Như vậy việc vay tiền có làm giấy nhận nợ do anh D, chị L cùng ký tên, mục đích anh D, chị L vay tiền để kinh doanh, hai bên thỏa thuận hai ngày góp 1.800.000 đồng nhưng đến nay anh D, chị L vẫn chưa góp được số tiền nào cho chị L nên hai bên phát sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán thấy rằng: Việc vay tiền giữa chị L với anh D, chị L là có thật vì có biên nhận nợ do anh D, chị L ký tên. Ngày 15/11/2017, anh D viết giấy nhận nợ sau cùng, thỏa thuận hai ngày sẽ góp 1.800.000 đồng nhưng đến hạn anh D, chị L vẫn chưa thanh toán cho chị L số tiền 117.050.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên việc chị L khởi kiện yêu cầu anh D, chị L cùng có nghĩa vụ L đới trả lại số tiền 117.050.000 đồng là có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định của pháp luật. Chị L không yêu cầu vợ chồng anh D, chị L phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Anh D và chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Hồng L đối với anh Trương Văn D và chị Lê Thị Phượng L yêu cầu trả số tiền vay còn nợ.

Buộc anh Trương Văn D và chị Lê Thị Phượng L có nghĩa vụ L đới trả cho chị Võ Thị Hồng L số tiền 117.050.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D và chị L không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng anh D và chị L còn phải trả cho chị L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D và chị L phải chịu 5.852.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị L 2.926.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0019815 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- CC.THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.